

Số: **1698** /QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày **05** tháng **8** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Phương án điều tra chăn nuôi

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định ban hành phương án điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1345/QĐ-BKHĐT ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do Tổng cục Thống kê chủ trì thực hiện;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án điều tra chăn nuôi thực hiện từ năm 2025. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2. Giao Tổng cục Thống kê xây dựng kế hoạch chi tiết; thiết kế mẫu và phiếu điều tra; chỉ đạo tổ chức và hướng dẫn thực hiện cuộc điều tra theo đúng quy định của Phương án điều tra.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để phối hợp);
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT, TCTK_(10b). #13

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ**



Nguyễn Thị Hương



PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA CHĂN NUÔI

(Kèm theo Quyết định số 1698/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 8 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra chăn nuôi là cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia được thực hiện nhằm mục đích thu thập thông tin về tình hình sản xuất chăn nuôi trên phạm vi cả nước phục vụ việc tính toán các chỉ tiêu thống kê cấp quốc gia, cấp tỉnh của ngành chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu quản lý, lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất chăn nuôi của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.

2. Yêu cầu điều tra

- Thực hiện điều tra đúng các nội dung quy định trong Phương án điều tra.
- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.
- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.
- Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước; bảo đảm tính so sánh quốc tế.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra chăn nuôi được thực hiện tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (viết gọn là tỉnh).

2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra là trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngan và vật nuôi khác (ngựa, dê, cừu,...).

3. Đơn vị điều tra

- Doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX), tổ chức khác¹ (TCK) có hoạt động chăn nuôi.
- Hộ chăn nuôi.
- Thôn, ấp, bản, tổ dân phố (viết gọn là thôn) có hoạt động chăn nuôi trâu, bò và vật nuôi khác.

¹ Tổ chức khác có hoạt động chăn nuôi, bao gồm: các đơn vị sự nghiệp (viện nghiên cứu, trung tâm sản xuất giống,...); các hiệp hội; các tổ chức mà không phải khu vực hộ gia đình.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

1. Điều tra toàn bộ

Gồm các đơn vị sau:

- DN, HTX, TCK chăn nuôi.
- Thôn có chăn nuôi trâu, bò và vật nuôi khác.
- Hộ chăn nuôi quy mô lớn, bao gồm:
 - (1) Hộ nuôi lợn quy mô từ 300 con trở lên.
 - (2) Hộ nuôi trâu quy mô từ 30 con trở lên.
 - (3) Hộ nuôi bò thịt quy mô từ 30 con trở lên.
 - (4) Hộ nuôi bò sữa quy mô từ 20 con trở lên.
 - (5) Hộ nuôi gà quy mô từ 4000 con trở lên.
 - (6) Hộ nuôi vịt quy mô từ 2000 con trở lên.
 - (7) Hộ nuôi ngan quy mô từ 500 con trở lên.

2. Điều tra chọn mẫu

Điều tra chọn mẫu áp dụng đối với các hộ chăn nuôi có quy mô nhỏ hơn quy mô nuôi đề cập ở mục III.1 và hộ nuôi vật nuôi khác, bao gồm:

- (1) Các hộ nuôi trâu, bò, lợn, gà, vịt.
- (2) Các hộ nuôi vật nuôi khác (ngoài trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngan).
- (3) Các hộ thu hoạch tổ yến.

Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm thiết kế chọn mẫu, hướng dẫn việc rà soát, cập nhật và thay thế mẫu điều tra.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Thời điểm điều tra là 0h ngày 01/01, ngày 01/4, ngày 01/7, ngày 01/10.

2. Thời kỳ thu thập thông tin

- (1) Đối với thông tin về lợn, gà, vịt, ngan

- Số liệu thời điểm: Tại thời điểm 0h ngày 01/01, ngày 01/4, ngày 01/7, ngày 01/10 năm điều tra.

- Số liệu thời kỳ: Số phát sinh thực tế trong 03 tháng trước thời điểm điều tra.

- (2) Đối với thông tin về trâu, bò và vật nuôi khác

- Số liệu thời điểm: Tại thời điểm 0h ngày 01/01 năm điều tra.

- Số liệu thời kỳ: Số phát sinh thực tế trong 12 tháng trước thời điểm điều tra (từ ngày 01/01 đến 31/12 năm trước năm điều tra).

3. Thời gian điều tra

Thời gian thu thập thông tin là 15 ngày, bắt đầu từ thời điểm điều tra.

4. Phương pháp điều tra

Điều tra áp dụng hai phương pháp điều tra thu thập thông tin:

a) Thu thập số liệu trực tiếp

Đối với hộ: Điều tra viên đến từng hộ điều tra (hộ điều tra mẫu và hộ điều tra toàn bộ), thực hiện phỏng vấn trực tiếp người nắm được thông tin về chăn nuôi của hộ và điền thông tin vào phiếu điều tra điện tử (CAPI).

b) Thu thập số liệu gián tiếp

- Đối với các DN, HTX, TCK: Các đơn vị thực hiện cung cấp thông tin trên Trang điều hành tác nghiệp của điều tra chăn nuôi. Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Cục Thống kê cấp tỉnh) lập danh sách các đơn vị điều tra; cung cấp tài khoản và mật khẩu để đơn vị đăng nhập vào hệ thống và cung cấp thông tin.

- Đối với thôn điều tra chăn nuôi trâu, bò và vật nuôi khác: Trưởng thôn hoặc người được phân công ghi phiếu điều tra căn cứ vào tài liệu, sổ sách hiện có và tình hình chăn nuôi thực tế của các hộ trên địa bàn thôn để nhập thông tin vào phiếu điều tra điện tử (CAPI).

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Cuộc điều tra thu thập thông tin sau:

- Số lượng vật nuôi tại thời điểm điều tra.
- Sản lượng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong kỳ điều tra.
- Doanh thu bán sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra.
- Giá trị dịch vụ chăn nuôi.
- Kết quả hoạt động thu hoạch tổ yến.

2. Phiếu điều tra

Có 06 loại phiếu điều tra được sử dụng trong cuộc điều tra này, bao gồm:

- Phiếu số 01-Q/ĐTCN-DN, HTX: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động chăn nuôi lợn và gia cầm của doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác (áp dụng cho kỳ điều tra 01/01; 01/4; 01/7; 01/10).

- Phiếu số 02-Q/ĐTCN-HO: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động chăn nuôi lợn và gia cầm của hộ (áp dụng cho kỳ điều tra 01/01; 01/4; 01/7; 01/10).

- Phiếu số 03-N/ĐTCN-THON: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động chăn nuôi trâu, bò và vật nuôi khác của hộ trên địa bàn thôn (áp dụng cho kỳ điều tra 01/01).

- Phiếu số 04-N/ĐTCN-DN,HTX: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động chăn nuôi trâu, bò và vật nuôi khác của doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác (áp dụng cho kỳ điều tra 01/01).

- Phiếu số 05-N/ĐTCN-HO: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động chăn nuôi trâu, bò của hộ (áp dụng cho kỳ điều tra 01/01).

- Phiếu số 06-N/ĐTCN-HM: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động chăn nuôi vật nuôi khác; thu hoạch tổ yến của hộ mẫu (áp dụng cho kỳ điều tra 01/01).

VI. PHÂN LOẠI THÔNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Danh mục và bảng phân loại được áp dụng trong cuộc điều tra này gồm:

(1) Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến 31/12 năm trước năm điều tra.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

a) Hoàn thành dữ liệu các phiếu điều tra

- Phiếu điều tra điện tử: Áp dụng mẫu phiếu điều tra số 02-Q/ĐTCN-HO; 03-N/ĐTCN-THON; 05-N/ĐTCN-HO và 06-N/ĐTCN-HM .

Trong quá trình điều tra thực địa, thông tin trên phiếu điện tử được điều tra viên hoàn thành và gửi về máy chủ của Tổng cục Thống kê. Tại đây, dữ liệu điều tra được công chức thống kê các cấp kiểm tra, duyệt và nghiệm thu số liệu.

- Phiếu điều tra trực tuyến: Áp dụng mẫu phiếu điều tra số 01-Q/ĐTCN-DN, HTX và 04-N/ĐTCN-DN, HTX.

Sau khi điều tra viên/người cung cấp thông tin hoàn thành điền thông tin trên máy tính, thông tin trên phiếu được lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê. Dữ liệu điều tra sẽ được công chức thống kê các cấp kiểm tra, duyệt, nghiệm thu.

b) Tích hợp vào dữ liệu chung

Dữ liệu điều tra phiếu điện tử; dữ liệu phiếu điều tra trực tuyến được tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung điều tra chăn nuôi; được làm sạch, xử lý và tổng hợp kết quả điều tra.

2. Tổng hợp, suy rộng kết quả điều tra

- Tổng hợp và suy rộng đến cấp huyện đối với chỉ tiêu về số lượng đầu con có tại thời điểm điều tra.

- Tổng hợp và suy rộng đến cấp tỉnh đối với chỉ tiêu về sản lượng sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra.

a) Tổng hợp kết quả điều tra toàn bộ

- Tổng hợp số lượng và sản phẩm chăn nuôi trâu, bò, vật nuôi khác từ phiếu số 03-N/ĐTCN-THON; phiếu số 04-N/ĐTCN-DN, HTX và phiếu số 05-N/ĐTCN-HO (đối với các hộ chăn nuôi quy mô lớn được điều tra toàn bộ quy định ở mục III.1).

- Tổng hợp số lượng và sản phẩm chăn nuôi lợn, gà, vịt, ngan từ phiếu số 01-Q/ĐTCN-DN, HTX và phiếu số 02-Q/ĐTCN-HO (đối với các hộ chăn nuôi quy mô lớn được điều tra toàn bộ quy định ở mục III.1).

b) Suy rộng kết quả điều tra mẫu

b.1) Suy rộng số đầu con từng loại vật nuôi

Số lượng vật nuôi được suy rộng đến cấp huyện theo từng loại vật nuôi: lợn, gà, vịt, ngan theo từng loại hộ điều tra mẫu (hộ nuôi lợn từ 1 đến 9, từ 10 đến 29; hộ nuôi gà dưới 50 con,...) tại thời điểm điều tra.

Công thức tổng quát:

$$\begin{array}{l} \text{Số vật nuôi} \\ \text{tại thời điểm} \\ \text{điều tra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số vật nuôi bình} \\ \text{quân 1 hộ mẫu tại} \\ \text{thời điểm điều tra} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tổng số hộ có chăn} \\ \text{nuôi vật nuôi trong} \\ \text{kỳ điều tra của} \\ \text{toàn huyện} \end{array} \quad (1)$$

Trong công thức (1):

- Số vật nuôi bình quân 1 hộ mẫu tại thời điểm điều tra được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Số vật nuôi bình} \\ \text{quân 1 hộ mẫu tại} \\ \text{thời điểm điều tra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số vật nuôi của các} \\ \text{hộ mẫu tại thời điểm} \\ \text{điều tra} \end{array} : \begin{array}{l} \text{Tổng số} \\ \text{hộ mẫu} \end{array} \quad (2)$$

- Tổng số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ điều tra của toàn huyện được tổng hợp từ số hộ chăn nuôi trong kỳ của khu vực thành thị và nông thôn theo công thức dưới đây:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số hộ có} \\ \text{chăn nuôi vật nuôi} \\ \text{trong kỳ điều tra} \\ \text{khu vực thành thị} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số hộ có chăn} \\ \text{nuôi trong kỳ điều tra} \\ \text{của các địa bàn có} \\ \text{chăn nuôi khu vực} \\ \text{thành thị của huyện} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hộ có chăn nuôi} \\ \text{vật nuôi trong kỳ điều} \\ \text{tra của các địa bàn mẫu} \\ \text{khu vực thành thị} \\ \text{(\%)} \end{array} \quad (3)$$

Trong công thức (3):

+ Tổng số hộ có chăn nuôi trong kỳ điều tra của các địa bàn có chăn nuôi khu vực thành thị của huyện: Được tính toán trên cơ sở báo cáo ước tính số hộ của các phường, thị trấn hoặc từ các nguồn điều tra khác của ngành thống kê.

+ Tỷ lệ hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ điều tra của các địa bàn mẫu khu vực thành thị: Được tính toán trên cơ sở tổng số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ điều tra chia cho tổng số hộ có chăn nuôi của các địa bàn mẫu được chọn để lập bảng kê của huyện.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số hộ có chăn} \\ \text{nuôi vật nuôi trong} \\ \text{kỳ điều tra khu vực} \\ \text{nông thôn} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số hộ nông} \\ \text{thôn trên địa bàn} \\ \text{huyện} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hộ có chăn nuôi} \\ \text{vật nuôi trong kỳ điều tra} \\ \text{của các địa bàn mẫu khu} \\ \text{vực nông thôn} \\ \text{(\%)} \end{array} \quad (4)$$

Trong công thức (4):

+ Tổng số hộ nông thôn trên địa bàn huyện: Được tính toán trên cơ sở báo cáo ước tính số hộ của các xã hoặc từ các nguồn điều tra của ngành thống kê.

+ Tỷ lệ hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ điều tra của các địa bàn mẫu khu vực nông thôn: Được tính toán trên cơ sở tổng số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ điều tra chia cho tổng số hộ của các địa bàn mẫu được chọn để lập bảng kê của huyện.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hộ có chăn} \\ \text{nuôi vật nuôi trong} \\ \text{kỳ điều tra của các} \\ \text{địa bàn mẫu khu} \\ \text{vực nông thôn} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số hộ có} \\ \text{chăn nuôi loại vật nuôi} \\ \text{của các địa bàn mẫu khu} \\ \text{vực nông thôn} \end{array} : \begin{array}{l} \text{Tổng số hộ} \\ \text{của các địa bàn} \\ \text{mẫu khu vực nông} \\ \text{thôn} \end{array} \quad (5)$$

Do việc lập bảng kê các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ tại các địa bàn mẫu chỉ thực hiện vào kỳ điều tra 01/01 nên quy ước: Số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ tại thời điểm 01/01 bằng (=) số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ tại thời điểm 01/4 bằng (=) số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ tại thời điểm 01/7 bằng (=) số hộ có chăn nuôi vật nuôi trong kỳ tại thời điểm 01/10.

b.2) Suy rộng sản lượng sản phẩm chăn nuôi

(1) Suy rộng sản lượng thịt lợn, gà, vịt, ngan hơi xuất chuồng

Sản lượng thịt hơi được tính toán đối với các hộ theo từng nhóm quy mô nuôi vật nuôi tương ứng, ví dụ: hộ nuôi lợn từ 1 đến 9 con, 10 đến 29 con,.....

Công thức tổng quát:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng trọng} \\ \text{lượng thịt hơi} \\ \text{xuất chuồng} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trọng lượng thịt hơi} \\ \text{xuất chuồng bình} \\ \text{quân 1 con vật nuôi} \\ \text{của mẫu điều tra} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số vật nuôi} \\ \text{xuất chuồng} \\ \text{trong kỳ điều} \\ \text{tra} \end{array} \quad (6)$$

Trong công thức (6):

$$\begin{array}{l} \text{Trọng lượng thịt hơi} \\ \text{xuất chuồng bình} \\ \text{quân 1 con vật nuôi} \\ \text{của mẫu điều tra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng trọng lượng} \\ \text{thịt hơi vật nuôi xuất} \\ \text{chuồng của các hộ} \\ \text{mẫu trong kỳ điều tra} \end{array} : \begin{array}{l} \text{Tổng số vật nuôi} \\ \text{xuất chuồng của} \\ \text{các hộ mẫu} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} \quad (7)$$

$$\begin{array}{l} \text{Số vật nuôi} \\ \text{xuất chuồng} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số vật nuôi xuất} \\ \text{chuồng bình quân} \\ \text{một hộ mẫu trong} \\ \text{kỳ điều tra} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tổng số hộ có} \\ \text{chăn nuôi vật} \\ \text{nuôi trong kỳ} \\ \text{điều tra} \end{array} \quad (8)$$

Tổng số hộ chăn nuôi vật nuôi trong kỳ điều tra: được xác định là số hộ nuôi loại vật nuôi theo từng nhóm tương ứng, như: số hộ nuôi lợn quy mô từ 1 đến 9 con; số hộ nuôi gà quy mô dưới 50 con,.....

(2) Suy rộng sản lượng thịt trâu, bò hơi và vật nuôi khác (ngoài lợn, gà, vịt, ngan) xuất chuồng

- Thông tin về sản lượng thịt hơi

$$\begin{array}{l} \text{Tổng trọng} \\ \text{lượng thịt hơi} \\ \text{xuất chuồng} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trọng lượng thịt hơi} \\ \text{xuất chuồng bình} \\ \text{quân một vật nuôi} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tổng số vật nuôi} \\ \text{xuất chuồng} \\ \text{trong kỳ điều tra} \end{array} \quad (9)$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Trọng lượng thịt} \\ \text{hơi xuất chuồng} \\ \text{ bình quân} \\ \text{ một vật nuôi} \end{array} = \frac{\text{Tổng trọng lượng} \\ \text{thịt hơi vật nuôi xuất} \\ \text{chuồng trong kỳ điều} \\ \text{tra của các hộ mẫu}}{\text{Tổng số vật nuôi} \\ \text{ xuất chuồng} \\ \text{ trong kỳ điều tra} \\ \text{ của các hộ mẫu}} \quad (10)$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số vật nuôi} \\ \text{ xuất chuồng} \\ \text{ trong kỳ điều tra} \end{array} = \frac{\text{Tỷ lệ vật nuôi xuất} \\ \text{ chuồng của các} \\ \text{ hộ mẫu (\%)}}{\text{Tổng số} \\ \text{ vật nuôi} \\ \text{ hiện có}} \quad (11)$$

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ vật nuôi} \\ \text{ xuất chuồng của} \\ \text{ các hộ mẫu (\%)} \end{array} = \left[\frac{\text{Tổng số vật nuôi} \\ \text{ xuất chuồng của} \\ \text{ các hộ mẫu}}{\text{Tổng số vật} \\ \text{ nuôi hiện có} \\ \text{ của các hộ mẫu}} \right] \times 100 \quad (12)$$

- Thông tin về sản lượng tổ yến (yến sào)

$$\begin{array}{l} \text{Sản lượng tổ} \\ \text{yến (yến sào)} \end{array} = \frac{\text{Sản lượng tổ yến thu} \\ \text{hoạch bình quân} \\ \text{1.000 m}^2 \text{ của hộ mẫu} \\ \text{ trong 01 tháng}}{\text{Tổng diện tích sản} \\ \text{thu hoạch tổ yến} \\ \text{ của các hộ trong} \\ \text{12 tháng qua}} \quad (13)$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Sản lượng tổ yến} \\ \text{thu hoạch bình quân} \\ \text{1.000 m}^2 \text{ của 01 hộ} \\ \text{mẫu trong 01 tháng} \end{array} = \frac{\text{Sản lượng thu hoạch tổ yến} \\ \text{ trong 12 tháng qua của các} \\ \text{ hộ mẫu}}{\text{Diện tích sản cho thu hoạch} \\ \text{ tổ yến của các hộ mẫu trong} \\ \text{12 tháng qua}} \times 1.000 \quad (14)$$

(3) Suy rộng sản lượng trứng, sữa

$$\begin{array}{l} \text{Tổng sản lượng} \\ \text{sản phẩm thu được} \\ \text{ trong kỳ điều tra} \end{array} = \frac{\text{Tổng sản lượng sản} \\ \text{phẩm thu được bình} \\ \text{quân 01 vật nuôi} \\ \text{ trong kỳ điều tra}}{\text{Tổng số vật nuôi} \\ \text{ cho thu sản phẩm} \\ \text{ trong kỳ điều tra}} \quad (15)$$

Trong công thức (15)

- Tổng sản lượng sản phẩm thu được bình quân 01 vật nuôi trong kỳ điều tra: là số lượng trứng thu được bình quân một loại gia cầm đẻ trứng (gà đẻ trứng, vịt đẻ trứng,...), sản lượng sữa thu được bình quân một vật nuôi cho sữa (bò cái sữa sinh sản,...).

- Tổng số vật nuôi cho thu sản phẩm trong kỳ điều tra: Là tổng số gà đẻ trứng, tổng số vịt đẻ trứng, tổng số bò cái sữa sinh sản,...

c) Tổng hợp kết quả điều tra

(1) Tổng hợp số liệu về số đầu con vật nuôi

$$\begin{array}{l} \text{Tổng đàn, từng} \\ \text{loại vật nuôi của} \\ \text{toàn huyện/tỉnh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng đàn từng} \\ \text{loại vật nuôi từ} \\ \text{điều tra toàn bộ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng đàn từng loại} \\ \text{vật nuôi suy rộng từ} \\ \text{điều tra chọn mẫu} \end{array} \quad (16)$$

(2) Tổng hợp số liệu về sản lượng sản phẩm từng loại vật nuôi

$$\begin{array}{l} \text{Sản lượng sản} \\ \text{phẩm từng loại} \\ \text{của toàn tỉnh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Sản lượng sản} \\ \text{phẩm từng loại từ} \\ \text{điều tra toàn bộ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Sản lượng sản} \\ \text{phẩm từng loại} \\ \text{thu được từ điều} \\ \text{tra chọn mẫu} \end{array} \quad (17)$$

3. Biểu đầu ra kết quả điều tra

Kết quả điều tra chăn nuôi được tổng hợp theo hệ thống biểu do Tổng cục Thống kê thiết kế đảm bảo tổng hợp các chỉ tiêu thống kê theo nội dung điều tra quy định tại Mục V Phương án này.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện ²
1	Xây dựng Quyết định và Phương án điều tra	Tháng 4-7/2024
2	Thiết kế và hoàn thiện phiếu điều tra	Tháng 4- 7/2024
3	Xây dựng Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ	Tháng 6-9/2024
4	Xây dựng Sổ tay hướng dẫn sử dụng các phần mềm và tài liệu khác	Tháng 8-9/2024
5	Thiết kế mẫu và chọn địa bàn điều tra	Trước thời điểm điều tra 15 ngày
6	Rà soát địa bàn điều tra	Trước thời điểm điều tra 15 ngày
7	Cập nhật bảng kê hộ	Trước thời điểm điều tra 15 ngày

² Các mục có số thứ tự: 1, 2, 3, 4, 9, 10 thực hiện năm xây dựng và ban hành phương án; các mục còn lại theo năm điều tra.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện ²
8	Xây dựng chương trình phần mềm và chọn mẫu hộ	Trước thời điểm điều tra 5 ngày
9	Xây dựng các chương trình phần mềm điều tra: CAPI; Trang Web điều hành (cập nhật bảng kê, chọn mẫu hộ; quản lý mạng lưới điều tra, giám sát, kiểm tra và nghiệm thu số liệu, tổng hợp kết quả điều tra, ...)	Tháng 9-11/2024
10	Tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ cấp Trung ương, cấp tỉnh (nếu có)	Tháng 12/2024
11	Thu thập thông tin tại địa bàn	15 ngày bắt đầu từ thời điểm điều tra
12	Kiểm tra và duyệt dữ liệu điều tra	20 ngày sau khi kết thúc thu thập thông tin
13	Xử lý số liệu điều tra	20 ngày sau khi kết thúc thu thập thông tin
14	Báo hoàn thành, gửi biểu tổng hợp, báo cáo phân tích về TCTK	Theo thời gian quy định của kỳ điều tra
15	Biên soạn báo cáo kết quả chủ yếu của cuộc điều tra	Sau 15 ngày nhận dữ liệu của CTK

IX. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA

1. Công tác chuẩn bị

a) Chọn mẫu và rà soát địa bàn điều tra (ĐBĐT); cập nhật bảng kê hộ và chọn hộ điều tra

Hàng năm, Cục Thống kê thực hiện chọn mẫu ĐBĐT, cập nhật bảng kê hộ theo đúng quy định của Phương án và hướng dẫn công tác lập bảng kê.

b) Tuyển chọn người điều tra viên (ĐTV) và giám sát viên (GSV)

- ĐTV: Thực hiện tuyển chọn ĐTV với số lượng phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, dự toán được giao và các quy định tài chính hiện hành.

- GSV là lực lượng thực hiện công việc giám sát các hoạt động của mạng lưới ĐTV và hỗ trợ chuyên môn cho GSV cấp dưới (nếu có) và các ĐTV trong quá trình điều tra thực địa. GSV có 03 cấp: Cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

c) Tập huấn nghiệp vụ điều tra

- Cấp trung ương, thành phần tham gia tập huấn bao gồm: GSV cấp trung ương, công chức của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê; lãnh đạo Cục Thống kê tỉnh, thành phố và giảng viên cấp tỉnh trong năm thay đổi Phương án điều tra và những năm có nội dung nghiệp vụ mới cần quán triệt. Thời gian tổ chức hội nghị là 01 ngày.

- Cấp tỉnh, thành phần tập huấn bao gồm: ĐTV, GSV và công chức cơ quan thống kê cấp tỉnh. Thời gian tập huấn là 01 ngày.

Hàng năm, khi có sự thay đổi về GSV, ĐTV hoặc nghiệp vụ bổ sung, đơn vị được giao chủ trì thực hiện điều tra căn cứ tình hình thực tế, chủ động tổ chức tập huấn cho đội ngũ GSV, ĐTV mới bảo đảm chất lượng của GSV, ĐTV tham gia điều tra.

d) Tài liệu điều tra

Tài liệu điều tra bao gồm các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm.

đ) Chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm sử dụng trong điều tra bao gồm: Phần mềm điều tra trên thiết bị điện tử (CAPI, Webform), phần mềm chọn mẫu hộ, phần mềm quản trị hệ thống điều tra trên Trang Web điều hành tác nghiệp, phần mềm xử lý, tổng hợp kết quả điều tra ...

2. Công tác điều tra thực địa

Tổng cục Thống kê (Cục Thống kê tỉnh, thành phố) chỉ đạo tổ chức thu thập thông tin tại địa bàn, bảo đảm việc thu thập thông tin thực hiện đúng yêu cầu chất lượng và thời gian quy định.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra.

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: Kiểm tra, giám sát việc tổ chức các lớp tập huấn, thu thập thông tin của đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do đơn vị cung cấp,...

Hình thức kiểm tra, giám sát: Kiểm tra, giám sát trực tiếp công tác tập huấn và thu thập thông tin tại địa bàn; kiểm tra, giám sát trực tuyến trên Trang Web điều hành tác nghiệp.

Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, công tác kiểm tra giám sát chất lượng phiếu điều tra được thực hiện ngay trong quá trình thu thập thông tin, GSV thường xuyên kiểm tra dữ liệu trên chương trình phần mềm và thông báo đề nghị đơn vị điều tra, ĐTV xác minh hoàn thiện phiếu điều tra.

4. Xử lý thông tin

a) Nghiệm thu phiếu điều tra

Quy trình nghiệm thu như sau:

- Cơ quan thống kê cấp tỉnh, cấp huyện kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra của tất cả các ĐBĐT được phân công trên địa bàn.
- Cơ quan thống kê trung ương kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu điều tra cấp tỉnh.

b) Xử lý thông tin

Tổng cục Thống kê chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ tổng hợp và phân tích kết quả điều tra; thực hiện tính quyền số và tổng hợp kết quả đầu ra.

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra chăn nuôi do Ngân sách nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Tổng cục Thống kê có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định của văn bản hiện hành.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc Điều tra chăn nuôi theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và các chế độ tài chính hiện hành.

Các điều kiện vật chất khác: Sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có của ngành thống kê./.